

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Hương Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 115/NQ-HĐND ngày 06/6/2023 và Nghị quyết số 126/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua các công trình, dự án cần thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ từ năm 2023 (bổ sung);

Căn cứ Quyết định số 850/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Hương Sơn; Quyết định số 360/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 của UBND tỉnh điều chỉnh quy mô diện tích và loại đất sử dụng một số công trình, dự án tại danh mục công trình, dự án trong Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Hương Sơn;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Hương Sơn tại Tờ trình số 98/TTr-UBND ngày 10/8/2023; của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3542/TTr-STMMT ngày 29/8/2023; sau khi lấy Phiếu biểu quyết đồng ý của các Thành viên UBND tỉnh (qua Phần mềm Điện tử TD).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Hương Sơn, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Danh mục các công trình, dự án bổ sung thực hiện trong năm 2023

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)					Địa điểm	Vị trí trên BĐ BS KHSDD năm 2023	Ghi chú
				Diện tích	LUA	RPH	RD D	Đất khác			
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I	Đất giao thông	3,50		3,50	0,30	1,95		1,25			
1	Đường trục xã Tân Mỹ Hà	1,25		1,25				1,25	xã Tân Mỹ Hà	455	NQ số 115/NQ-HĐND ngày 06/6/2023
2	Nâng cấp đường từ xã Sơn Hồng ra Biên giới	1,95		1,95		1,95			xã Sơn Hồng		NQ số 126/NQ-HĐND ngày 14/7/2023
3	Đường vào nghĩa trang liệt sỹ Nậm	0,30		0,30	0,30				xã Sơn Châu	429	NQ số 115/NQ-HĐND ngày 06/6/2023
II	Đất thủy lợi	13,56		13,56	4,42			9,14			
1	Công trình kênh Cầu Động thuộc Dự án Hệ thống thủy lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang - giai đoạn 2 (phần bổ sung)	13,56		13,56	4,42			9,14	Các xã Sơn Long; Sơn Trà; Sơn Bình; Tân Mỹ Hà	485-1	NQ số 115/NQ-HĐND ngày 06/6/2023
III	Đất xây dựng cơ sở văn hoá	0,31	0,11	0,20	0,20						
1	Mở rộng đài tưởng niệm liệt sỹ	0,31	0,11	0,20	0,20				Thị trấn Phố Châu	282	NQ số 115/NQ-HĐND ngày 06/6/2023
IV	Đất công trình năng lượng	0,70		0,70	0,50			0,20			

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)					Địa điểm	Vị trí trên BĐ BS KHSDD năm 2023	Ghi chú
				Diện tích	LUA	RPH	RD D	Đất khác			
1	Xây dựng trạm mạch vòng 22kV giữa TBA 110kV Linh Cảm(E18.2) và TBA 110kV Hương Sơn (E18.7), nâng cao độ tin cậy cung cấp điện khu vực huyện Hương Sơn , huyện Đức Thọ	0,20		0,20	0,15			0,05	Các xã: Sơn Châu; Sơn Ninh; Sơn Trung; Sơn Bằng; Kim Hoa		NQ số 126/NQ-HĐND ngày 14/7/2023
2	Xây dựng, cải tạo ĐZ 110kV-972TGHS huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh lên vận hành cấp điện áp 22kV	0,20		0,20	0,15			0,05	Các xã Sơn Long; Tân Mỹ Hà; Sơn Châu; Sơn Ninh; Sơn Trung; Sơn Bằng; Sơn Giang; An Hòa Thịnh; Sơn Lễ		NQ số 126/NQ-HĐND ngày 14/7/2023
3	Đường dây 500KV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu (tên cũ: Hướng tuyến đường dây 500kV Nhiệt điện Vũng Áng 3 - Quỳnh Lập)	0,30		0,30	0,20			0,10	xã Tân Mỹ Hà; xã Sơn Long		
	Tổng 8 công trình, dự án	18,07	0,11	17,96	5,42	1,95		10,59			

2. Tổng hợp số liệu sau khi bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích đã được UBND tỉnh phê duyệt	Tổng diện tích sau khi điều chỉnh
1	Đất nông nghiệp	NNP	100.918,87	100.905,50
	Trong đó:			
1.1	Đất trồng lúa	LUA	5.444,79	5.439,37
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	4.090,49	4.085,07
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	1.354,30	1.354,30
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	3.612,59	3.608,59
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	6.596,93	6.595,03
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	31.661,18	31.659,23
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	9.325,91	9.325,91
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	43.762,43	43.762,33
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN	27.082,48	27.082,48
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	302,19	302,19
1.8	Đất làm muối	LMU		
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	212,84	212,84
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	7.579,39	7.593,26
	Trong đó:		0,00	0,00
2.1	Đất quốc phòng	CQP	56,81	56,81
2.2	Đất an ninh	CAN	3,28	3,28
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	36,18	36,18
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	10,00	10,00
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	128,38	128,38
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	36,03	36,03
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	21,95	21,95
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	103,49	103,49
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	4.180,86	4.198,82
	Trong đó:			
-	Đất giao thông	DGT	2.298,44	2.301,94
-	Đất thủy lợi	DTL	864,85	878,41
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	4,47	4,67
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	8,88	8,88
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	80,25	80,25
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	80,62	80,62

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích đã được UBND tỉnh phê duyệt	Tổng diện tích sau khi điều chỉnh
-	Đất công trình năng lượng	DNL	183,11	183,81
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	2,93	2,93
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG		
-	Đất cổ di tích lịch sử - văn hóa	DDT	9,47	9,47
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	46,33	46,33
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	19,45	19,45
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	575,24	575,24
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH		
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,06	0,06
-	Đất chợ	DCH	6,75	6,75
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	36,34	36,34
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	3,72	3,72
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.066,18	1.065,88
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	101,81	101,81
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	20,61	20,61
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	9,19	9,19
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.18	Đất tin ngưỡng	TIN	33,79	33,79
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.602,75	1.598,96
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	108,17	108,17
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	19,85	19,85
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1.181,27	1.180,77

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này:

1. Ủy ban nhân dân huyện Hương Sơn có trách nhiệm:

- Công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng thẩm quyền và Kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

- Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện Kế hoạch sử dụng đất.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Tham mưu cho UBND tỉnh thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng thẩm quyền và Kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch sử dụng đất.
- Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất của UBND huyện Hương Sơn theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hương Sơn và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm CB - TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hồng Lĩnh